

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST
Ngày 26/7/2018
Về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Hồng Việt**.

2. Bà **Bế Thị Hoi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLST-DS ngày 31/01/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 26/6/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Ngọc K**, sinh năm 1977 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1974 và bà **Triệu Ngọc Hạ Q**, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, ông Bùi Ngọc K và bà Trần Thị T thống nhất trình bày: Trước đây vào tháng 2/2016 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Triệu Ngọc Hạ Q có lên nhà ông bà để hỏi vay tiền, nghĩ vì bạn bè nên ông bà đến đại lý mượn hộ về cho vợ chồng ông D, bà Q vay số tiền 30.000.000 đồng, ông D và bà Q hẹn một tháng sẽ trả nhưng hết một tháng vẫn không trả và hẹn tới mùa thu hoạch cà phê năm đó sẽ trả ½ số tiền, đến vụ thu hoạch tiêu năm đó sẽ trả ½ số nợ còn lại. Khi đó vợ chồng ông có nói với vợ chồng ông D nếu để lâu thì phải trả tiền lãi thì họ đồng ý rồi vợ chồng ông D, bà Q viết giấy nợ thứ hai vào ngày 01/6/2016, giấy nợ này vợ chồng ông

D hẹn đến mùa thu hoạch cà phê, tiêu niên vụ 2016-2017 sẽ trả đủ. Tuy nhiên đã đến hạn nhưng vợ chồng ông D, bà Q vẫn không trả số nợ như đã cam kết nên ông bà yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 28/4/2017 ở xã Thăng Hưng ông D viết giấy cam kết hẹn đến ngày 25/12/2017 sẽ trả đủ tiền, tiền lãi sẽ trả cho vợ chồng ông theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên mãi đến nay họ vẫn chưa trả nợ vì vậy ông K, bà T yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà Q phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), riêng đối với phần yêu cầu về tiền lãi thì trước đây tại đơn khởi kiện có yêu cầu vợ chồng ông D, bà Q phải trả tiền lãi với mức 1,5%/tháng tương ứng với thời hạn khi viết giấy vay tiền ngày 01/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong các lần công khai chứng cứ, hoà giải tại Toà án cũng như tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, đã có lời khai trình bày như sau: Vào năm 2016 vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông Khẩn, bà Tuyết 30.000.000 đồng, khi vay tiền có hẹn đến niên vụ cà phê năm 2016 sẽ trả $\frac{1}{2}$ số tiền, đến mùa thu hoạch tiêu tức cuối năm 2016 sẽ trả hết số tiền còn lại, khi vay có thỏa thuận trả lãi theo lãi suất Nhà nước quy định. Tuy nhiên vì điều kiện làm ăn khó khăn nên chưa trả được nợ. Ngày 01/6/2016 vợ chồng ông có viết giấy nhận nợ lần thứ hai và cam kết đến cuối niên vụ cà phê, tiêu 2016-2017 sẽ trả hết nợ. Tại bản cam kết ngày 28/4/2017 ông cam kết đến ngày 25/12/2017 sẽ trả đủ tiền gốc và tiền lãi từ khi vay đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Triệu Ngọc Hạ Q đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến cho rằng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không chấp hành các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc. Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn xét thấy tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định mức lãi suất, do đó cần phải căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật

dân sự để xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn tương ứng 10%/năm bằng 0,83%/tháng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 01/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/7/2018) theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Ngoài ra bị đơn còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Triệu Ngọc Hạ Q trả 30.000.000 đồng nợ gốc, phải trả lãi theo mức lãi suất 1,5% tháng kể từ ngày viết giấy nhận nợ 01/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên toà, nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính tiền lãi, theo đó yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện nên được chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc và tiền lãi đã vay nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản; bị đơn ông D, bà Q đăng ký hộ khẩu tại thôn 3, xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về số nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 30.000.000 đồng. Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/6/2016, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018, biên bản làm việc tại chính quyền địa phương ngày 28/4/2017 bị đơn ông D thừa nhận trước đây vợ chồng ông có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng; bà Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ giấy vay tiền với tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/6/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng gốc nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về số nợ lãi: Khi nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thể hiện bằng giấy mượn tiền đề ngày 01/6/2016, thời hạn trả tiền vào cuối niên vụ mùa cà phê, tiêu 2106-2017 sẽ trả đủ tiền vay. Tại giấy mượn tiền không thể hiện có lãi nhưng sau đó vào ngày 28/4/2017 cũng như tại bản khai ngày 12/3/2018 bị đơn trình bày sẽ trả lãi cho nguyên đơn theo quy định của Nhà nước. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi và có tranh chấp

về mức lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ. Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả. Do nguyên đơn và bị đơn không xác định mức lãi suất, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tương ứng 10%/năm bằng 0,83%/tháng là có căn cứ chấp nhận, cụ thể:

Tiền lãi từ ngày 01/6/2016 đến ngày 26/7/2018 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng/30 \text{ ngày} \times 776 \text{ ngày} = 6.440.800 \text{ đồng}$ (sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng).

Vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng cả gốc và lãi là 36.440.800 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng), trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tiền lãi 6.440.800 đồng (sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng).

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: $36.440.800 \text{ đồng} \times 5\% = 1.822.040 \text{ đồng}$ (một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi Ngọc K, bà Trần Thị T. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Triệu Ngọc Hạ Q phải trả cho vợ chồng ông Bùi Ngọc K, bà Trần Thị T cả gốc và lãi là 36.440.800 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tiền lãi 6.440.800 đồng (sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Triệu Ngọc Hạ Q phải chịu 1.822.040 đồng (một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông D, bà Q chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Vợ chồng Bùi Ngọc K, bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho vợ chồng ông K, bà T 963.000 đồng (chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002024 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Minh Chính

